

Hà Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về nâng cao chất lượng dân số tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022 - 2030

I- THỰC TRẠNG VỀ CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ

Sau gần 30 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, chất lượng dân số từng bước được cải thiện, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tính đến năm 2020, mức sinh giảm mạnh, quy mô dân số là 877.888 người; tổng tỷ suất sinh giảm từ 4,8 con/phụ nữ năm 1991 xuống còn 2,47 con/phụ nữ; mô hình gia đình có 2 con được đồng thuận và nhân rộng; cơ cấu dân số theo nhóm tuổi có những chuyển dịch tích cực; tốc độ gia tăng về tỷ số giới tính khi sinh đã được kiềm chế ở mức 0,6 điểm phần trăm/năm và có xu hướng giảm dần; mật độ dân số 110 người/km²; phân bố dân số từng bước được cơ cấu lại một cách hợp lý gắn với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Tuy nhiên, từ năm 1991 đến nay, chất lượng dân số chậm được cải thiện, hầu hết các chỉ số cơ bản trong lĩnh vực này còn cách khá xa so với toàn quốc như: Chỉ số phát triển con người HDI mới đạt 0,65 điểm; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn cao (suy dinh dưỡng về chiều cao/tuổi 18%, về cân nặng/tuổi 32,8%); tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi còn 29,86%; tử vong bà mẹ vẫn còn xảy ra; tuổi thọ trung bình tăng lên nhưng số năm sống khỏe mạnh chỉ đạt 63 tuổi; tầm vóc, thể lực của người dân trong tỉnh chưa có những chuyển biến rõ rệt; tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống còn cao (năm 2019 là 6,1% và 0,85%); số năm đi học trung bình của người dân chưa cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ rất thấp (12,8%)... Công tác bảo vệ, phát triển dân số dân tộc thiểu số ít người còn gặp nhiều khó khăn. Hệ thống các dịch vụ về dân số như: Khám sức khỏe tiền hôn nhân; tầm soát, sàng lọc trước sinh và sơ sinh; chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên; chăm sóc người cao tuổi... nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; nhận thức của người dân về những nội dung trên còn nhiều hạn chế. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn cần có những giải pháp mạnh mẽ trong xây dựng hệ thống y tế nhằm thích ứng tốt hơn với những nguy cơ dịch bệnh và đáp ứng mong mỏi của nhân dân.

Những hạn chế, yếu kém trên do một số nguyên nhân chủ yếu như: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên chưa đầy đủ về nội hàm cũng như tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác dân số và phát triển; công tác lãnh đạo,

chỉ đạo chưa được toàn diện, quyết liệt và hiệu quả; công tác dân số các cấp trong tỉnh vẫn còn nặng về kế hoạch hóa gia đình, chưa chú trọng đến các hoạt động nâng cao chất lượng dân số; nguồn lực đầu tư cho công tác dân số và phát triển chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Chất lượng dân số là mục tiêu, động lực quan trọng nhất của sự phát triển.

- Chính sách dân số phải bảo đảm cân bằng, hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của mọi người dân; giữa tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi với thực thi nghiêm kỷ cương pháp luật; giữa mở rộng, ứng dụng các kỹ thuật mới với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với trọng tâm công tác dân số trong từng thời kỳ, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền các cấp và sự quản lý chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đầu tư nguồn lực để nâng cao chất lượng dân số là đầu tư cho sự phát triển bền vững. Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, đồng thời ưu tiên bố trí ngân sách, đẩy mạnh xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân để bảo đảm nguồn lực cho công tác nâng cao chất lượng dân số.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Cải thiện căn bản về chất lượng giống nòi của nhân dân trong tỉnh; từng bước nâng cao chất lượng dân số, chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển và hội nhập của tỉnh. Phân đấu đến năm 2030 chỉ số phát triển con người đứng ở mức trung bình so với cả nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Đến năm 2025

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thấp nhẹ cân còn 14% và suy dinh dưỡng thấp còi còn 27%.

- Giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi còn 20,5‰; giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi còn 36,5‰.

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 50%.

- Giảm tình trạng tảo hôn còn 4,8%; hôn nhân cận huyết thống còn 0,01%.
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 40%.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 30%.
- Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 163 cm, nữ đạt 153 cm.
- Người cao tuổi có khả năng tự chăm sóc, được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe đạt 80%.
- Tuổi thọ bình quân đạt 73 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 66,5 năm.
- Chỉ số phát triển con người (HDI) tiệm cận mức trung bình chung của cả nước.

2.2.2. Đến năm 2030

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân còn 12% và suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 25%.
- Giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi còn 16,5‰; giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi còn 30‰.
- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70%.
- Giảm tình trạng tảo hôn xuống còn 3,8%; cơ bản không còn tình trạng hôn nhân cận huyết thống.
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 65%;
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 45%;
- Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 164 cm, nữ đạt 154 cm.
- Người cao tuổi có khả năng tự chăm sóc, được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe đạt 90%;
- Tuổi thọ bình quân đạt 74 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 67,5 năm;
- Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức trung bình so với cả nước.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các chi, đảng bộ về công tác dân số, đặc biệt là trong thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số. Thực hiện lòng ghép hiệu

qua các yếu tố dân số vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, từng địa phương.

Tăng cường phối hợp giữa các ban, ngành các cấp trong tỉnh, phát huy mạnh mẽ vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác nâng cao chất lượng dân số.

Thành lập Ban Chỉ đạo Công tác dân số và phát triển ở các cấp trên cơ sở kiện toàn lại Ban Chỉ đạo Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và bổ sung thành viên cho phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, vận động

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục dân số. Phát huy những ưu điểm của các hình thức truyền thông, nhất là ứng dụng mạnh mẽ công nghệ công tin vào trong hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm thực hiện hiệu quả phong trào toàn dân rèn luyện thể dục, thể thao; loại bỏ những hủ tục lạc hậu như: Tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, mê tín trong phòng và chữa bệnh, những thói quen gây mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường sống.

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số trong và ngoài nhà trường, góp phần hình thành kiến thức về dân số và phát triển một cách đúng đắn, toàn diện cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho thế hệ trẻ.

3. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và ban hành cơ chế chính sách trong việc thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số

Tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh, nhất là ở địa bàn xã đặc biệt khó khăn.

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân. Qua đó, tạo tiền đề vững chắc cho việc thúc đẩy và đạt được những mục tiêu về nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh.

Ban hành chính sách hỗ trợ nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu nâng cao chất lượng dân số, trong đó ưu tiên tập trung hỗ trợ các hoạt động can thiệp: Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; tầm soát, sàng lọc trước sinh và sơ sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

Xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe, sinh hoạt, văn hóa, vui chơi, giải trí, thể dục thể thao, an sinh xã hội cho nhân dân.

Phối hợp thực hiện tốt công tác thanh tra chuyên ngành dân số để phát huy hơn nữa vai trò giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các đơn

vị, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ nâng cao chất lượng dân số.

4. Xây dựng và phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số

Tiếp tục rà soát củng cố, hoàn thiện hệ thống giáo dục phổ thông, đào tạo nghề, các thiết chế văn hóa; các loại hình thể dục thể thao, góp phần rèn luyện sức khỏe trong cộng đồng.

Xây dựng, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp các dịch vụ y tế của hệ thống công lập và ngoài công lập có tác động trực tiếp đến nâng cao chất lượng dân số như: Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên; tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình để góp phần thúc đẩy thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số.

Tổ chức sắp xếp lại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập hoạt động hiệu quả. Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ chăm sóc người cao tuổi như các cơ sở chăm sóc sức khỏe ban ngày, các cơ sở dưỡng lão tập trung.

5. Bảo đảm nguồn lực cho nhiệm vụ nâng cao chất lượng dân số

Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ công tác dân số và phát triển, ưu tiên bố trí ngân sách Nhà nước thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án nâng cao chất lượng dân số như: Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên, thanh niên; củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; các chương trình hỗ trợ trẻ em đến trường; giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề; vệ sinh môi trường; giảm nghèo.

Có cơ chế phù hợp nhằm đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác dân số và phát triển nhằm cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản để các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... được tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

Tập trung huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội để thực hiện chương trình sửa học đường và bữa ăn dinh dưỡng cho học sinh, nhất là tại các trường nội trú, bán trú.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; có chính sách đền ngô thoả đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ làm công tác dân số cấp xã và cộng tác viên ở thôn, bản, tổ dân phố.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới việc thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng dân số.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết này; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách để triển khai hiệu quả về công tác dân số và nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh.

2. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh, các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

3. Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể và tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển để không ngừng nâng cao chất lượng dân số.

4. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Ban Tuyên giáo Trung ương (báo cáo),
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban xây dựng đảng Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh,
- Văn phòng UBND tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Đặng Quốc Khanh